

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **648** /2020/KDTM-PT

Ngày: 10-7-2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Chinh.

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Hương

Ông Ngô Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/KDTMPT ngày 24 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1951/2019/KDTM-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1744/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 5767/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2020 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3092/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH H

Địa chỉ: 354, KP M, Phường B, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 là đại diện theo ủy quyền (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty cổ phần Đ (tên cũ: Công ty cổ phần hỗ trợ phát triển công nghệ T).

Địa chỉ: 123/50 đường P, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Tạ Hồng L, sinh năm 1965, địa chỉ: 12 đường B, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Thạnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai nguyên đơn do ông Nguyễn Văn T đại diện trình bày: Công ty TNHH H (gọi tắt là Công ty H) và Công ty cổ phần hỗ trợ phát triển công nghệ T - Nay đổi tên mới là Công ty cổ phần Đ (gọi tắt Công ty Đ) ký hợp đồng kinh tế số 27/HĐKT ngày 02/4/2010 theo đó Công ty H bán vật tư vật liệu xây dựng cho Công ty Đ để thi công các công trình thuộc tuyến N2 huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An. Tổng giá trị hợp đồng là 1.265.500.000 đồng. Ngày 11/5/2015 hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ theo đó Công ty Đ còn nợ Công ty H số tiền 1.067.743.047 đồng và cam kết trả nợ. Tuy nhiên bị đơn không thực hiện việc trả nợ, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền gốc 1.067.743.047 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ tháng 7/2016 đến 30/9/2019 là 38 tháng số tiền 219.100.873 đồng, (lãi suất 6,5%/năm tức là 0,54%/tháng; $1.067.743.047 \text{ đồng} \times 0,54 \times 38 \text{ tháng} = 219.100.873 \text{ đồng}$).

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh không thể ghi nhận ý kiến và xét xử vắng mặt bị đơn.

Với nội dung trên, Tại Bản án sơ thẩm số 1951/2019/KDTM-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 3, Điều 4, Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Công ty cổ phần Đ thanh toán cho Công ty TNHH H tiền nợ gốc 1.067.743.047 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ tháng 7/2016 đến 30/9/2019 là 38 tháng số tiền 219.100.873 đồng, tổng cộng: 1.286.843.920 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật Công ty TNHH H có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty cổ phần Đ chưa thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian số tiền chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần Đ chịu 50.605.318 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH H đã nộp số tiền 24.501.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004706 ngày 06/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 tháng 12 năm 2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Thạnh ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-

VKS-KDTM kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số 1951/2019/KDTM-ST của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên trình bày ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quyết định kháng nghị và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Quá trình từ khi thụ lý đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật và có ủy quyền hợp lệ theo các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Thạnh: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định phần tiền lãi trong giai đoạn thi hành án theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán theo Điều 306 Luật Thương mại là không phù hợp với qui định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong bản án, quyết định của Tòa án. Đề nghị tòa án chấp nhận kháng nghị, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng nghị để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe kiểm sát viên trình bày về nội dung kháng nghị và các căn cứ của việc kháng nghị, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: Hợp đồng kinh tế số 27/HĐKT ngày 02/4/2010, Biên bản đối chiếu công nợ ngày 11/5/2015 và Biên bản thỏa thuận ngày 11/5/2015 được ký kết giữa Công ty Đ và Công ty H thể hiện tính đến ngày 11/5/2015 Công ty Đ còn nợ Công ty H số tiền 1.067.743.047 đồng, do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền gốc 1.067.743.047 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ tháng 7/2016 đến 30/9/2019 là 38 tháng số tiền 219.100.873 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định tại Điều 50 và Điều 306 Luật thương mại. Tuy nhiên tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên: *“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật Công ty TNHH H có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty cổ phần Đ chưa thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian số tiền chậm trả.”*. Việc tòa án cấp sơ thẩm quyết định như trên là không đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì cùng với việc quyết định khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án thì Tòa án phải quyết định trong bản án (phần quyết định) như sau: *“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.”* Vì tại Biên bản thỏa thuận ngày 11/5/2015 được ký kết giữa Công ty Đ và Công ty H hai bên đã thỏa thuận “Trong thời gian số nợ tồn đọng của Công ty H, Công

ty Tây Phương sẽ chịu lãi suất được áp dụng của ngân hàng TM cổ phần..” do đó đây là trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không có thỏa thuận về mức lãi suất theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần tuyên quyết định lãi suất trong giai đoạn thi hành án theo đúng quy định pháp luật.

Phần quyết định của bản án không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Thạnh theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VS-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019,

Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1951/2019/KDTM-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2009/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty cổ phần Đ phải thanh toán cho Công ty TNHH H tiền nợ gốc 1.067.743.047 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 219.100.873 đồng, tổng cộng: 1.286.843.920 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí :

- Công ty cổ phần Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là

50.605.318 đồng.

- Hoàn lại cho Công ty TNHH H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.501.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004706 ngày 06/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Chinh